

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 18 - 5 - 2018
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Ông (Bà) Trần Kim Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thúy Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần T L** sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Số 429, Ấp C T, xã Đ B, Thành Phố M, tỉnh Cà Mau(*Có mặt*).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đ Đ** sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp X L, xã Đ B, Thành Phố M, tỉnh Cà Mau(*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị L trình bày: Chị và anh Đ kết hôn ngày 25/3/2008 có ĐKKH tại UBND xã Đ B, Tp M, tỉnh Cà Mau, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm anh Đ thường xuyên vắng nhà không lo lắng cho gia đình vợ con, hiện nay anh có quan hệ tình cảm với người khác, chị đã chuyển về ấp C T xã Đ B sống ly thân với anh Đ từ năm 2016 đến nay, thời gian này anh không hề quan tâm và cũng không gặp nhau để hoà giải ở lại nên chị yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn anh Đ; Về con chung có hai đứa tên Nguyễn Trần V K, sinh ngày 20/11/2009; Nguyễn Trần C T, sinh ngày 20/11/2014 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có.

Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị L cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại Ấp X L, xã Đ B, Thành Phố M, nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Anh Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L, theo quy định tại điều 227,228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ mà chị Lam cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Hôn nhân của chị L anh Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện có ĐKKH theo quy định của pháp luật, hôn nhân này là hợp pháp là căn cứ giải quyết tranh chấp về HNGĐ khi hai người phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị L vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Đ, từ năm 2016 đến nay hai người đã ly thân sống ở hai nơi khác nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thấy rằng mục đích hôn nhân của hai người là không đạt, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng theo quy định tại điều 56 Luật HNGĐ cho anh chị ly hôn là thỏa đáng.

[4] Về con chung: Hiện hai con của chị L anh Đ đang sống với chị L, cháu T đến nay mới hơn ba tuổi, cháu K đã trên 7 tuổi, ngày 28/02/2018 Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu, cháu thể hiện ý chí muốn sống với chị L nên cần tôn trọng ý kiến này của cháu, hiện nay chị L anh Đ đang ly thân mỗi người sống mỗi nơi, hai con đang sống với chị L, cuộc sống của các cháu với mẹ đã đi vào nề nếp ổn định, theo quy định tại điều 81 Luật HNGĐ giao con cho chị L nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên Tòa không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có, tuy nhiên do anh Đ vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình đối với tài sản và nợ, để đảm bảo quyền lợi của anh cần tách vấn đề này ra khi nào anh Đ có yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí HNGĐ chị L phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56,58 Luật HNGĐ; điều 147 BLTTDS

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần T L được ly hôn anh Nguyễn Đ Đ.
2. Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Trần V K, sinh ngày 20/11/2009; Nguyễn Trần C T, sinh ngày 20/11/2014 cho chị L trực tiếp nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ được phép tới lui thăm và dạy con chị L không được cản trở, ngược lại anh Đ không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con .
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra khi nào anh Đ có yêu cầu khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí HNGĐ 300.000đ chị L phải nộp, ngày 06/02/2018 chị đã dự nộp tại biên lai số 0341 được giữ y.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế